

Số: 207 /KH-UBND

Sơn La, ngày 07 tháng 10 năm 2019

KẾ HOẠCH
Thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2020

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Kết luận số 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện tinh giản biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015-2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017-2021;

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 của liên bộ Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế; Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh chủ trương thực hiện tinh giản biên chế;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện tinh giản biên chế năm 2020 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức, đơn vị đảm bảo gọn nhẹ, hợp lý;

2. Tạo cơ sở cho việc bố trí đúng người, đúng việc theo vị trí việc làm, đưa ra khỏi biên chế những người dôi dư, không đáp ứng được yêu cầu công việc, không thể tiếp tục bố trí sắp xếp công tác khác để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, thu hút những người có đức, có tài vào hoạt động công vụ trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Từ đó, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tiết kiệm ngân sách, giảm chi thường xuyên, cải cách tiền lương.

3. Phân đầu tỷ lệ tinh giản biên chế các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố giai đoạn 2018- 2021 đạt tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015; tỷ lệ tinh giản biên chế hàng năm tối thiểu đạt 2,5% biên chế được giao năm 2015.

4. Việc tinh giản biên chế phải được thực hiện công khai, dân chủ, đúng đối tượng, không làm ảnh hưởng, xáo trộn lớn đến tư tưởng, đời sống của cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc, trình tự và chính sách tinh giản biên chế theo đúng quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG

1. Trình tự thực hiện tinh giản biên chế

1.1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm

Phối hợp với cấp ủy, tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp thực hiện chính sách tinh giản biên chế như sau:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chính sách tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC; Thông tư số 31/2019/TT-BTC; Thông tư số 38/2019/TT-BTC; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017; Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Xây dựng Kế hoạch tinh giản biên chế hàng năm trên cơ sở Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2021 đã được UBND tỉnh phê duyệt, tình hình thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm hiện hành gửi về Sở Nội vụ trước 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp.

c) Thực hiện rà soát danh sách các đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế theo 07 nhóm đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6, Nghị định 108/2014/NĐ-CP; Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Điều 1, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế.

d) Sau khi xác định đối tượng tinh giản biên chế, các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ đối tượng tinh giản biên chế về Sở Nội vụ theo định kỳ như sau:

- Tổ chức xét duyệt tinh giản biên chế vào 02 đợt chính trong năm: Đợt 1 nghỉ từ 01/01 đến 01/6; đợt 2 nghỉ từ 01/7 đến 01/12 để xem xét, giải quyết kịp thời.

- Danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế (theo các biểu mẫu số 1a,1b,1c,1d của Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/04/2015 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính) đợt 1 gửi trước ngày 30 tháng 6 của năm trước liền kề và đợt 2 gửi trước ngày 30 tháng 12 của năm trước liền kề hàng năm gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp.

- Hàng tháng tổ chức xét bổ sung đối tượng tinh giản biên chế, các cơ quan đơn vị gửi hồ sơ đối tượng tinh giản biên chế về Sở Nội vụ trước ngày 01 hàng tháng của tháng trước tháng dự kiến nghỉ tinh giản biên chế để tổ chức thẩm định hồ sơ, danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế thực hiện theo Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/04/2015 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính.

1.2. Sở Nội vụ phối hợp với các đơn vị liên quan

a) Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định;

b) Tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách đối tượng thực hiện tinh giản biên chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc theo định kỳ 2 lần/năm (6 tháng/lần) và bổ sung theo tháng.

2. Chính sách tinh giản biên chế

a) Chính sách về hưu trước tuổi: Thực hiện theo quy định tại Điều 8, Chương II, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

b) Chính sách chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 9, Chương II, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

c) Chính sách thôi việc ngay: Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Chương II, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

d) Chính sách đối với những người thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm, bầu cử vào các chức vụ có phụ cấp chức vụ lãnh đạo mới thấp hơn do sắp xếp tổ chức: Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Chương II, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

3. Số lượng dự kiến thực hiện tinh giản biên chế

Năm 2020, UBND tỉnh Sơn La dự kiến thực hiện tinh giản biên chế với trường hợp, trong đó Đợt 1: 220 trường hợp, Đợt 2: 141 trường hợp.

(Có biểu chi tiết kèm theo).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1.1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thẩm tra trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả tinh giản biên chế theo quy định; phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế và báo cáo kết

quả thực hiện tinh giản biên chế gửi Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính đợt 1 trước ngày 12 tháng 7, đợt 2 trước ngày 12 tháng 01 hàng năm để kiểm tra theo quy định.

b) Thẩm tra trình Chủ tịch UBND phê duyệt báo cáo kết quả, đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế của UBND tỉnh định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm gửi Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ định.

1.2. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh thẩm định danh sách đối tượng tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh hướng dẫn các cơ quan, đơn vị các nội dung phát sinh hoặc còn chưa rõ để triển khai thực hiện theo đúng Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của liên bộ Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính và Kế hoạch triển khai thực hiện của UBND tỉnh.

c) Tham mưu cho UBND tỉnh lập danh sách đối tượng tinh giản biên chế và xây dựng báo cáo kết quả tinh giản biên chế, gửi Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính để kiểm tra theo quy định, đợt 1 trước ngày 08/7, đợt 2 trước ngày 08/01 hàng năm.

d) Tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo kết quả, đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế tỉnh Sơn La, định kỳ trước ngày 10 tháng 02 hàng năm, gửi Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

e) Hàng năm tiến hành tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

1.3. Sở Tài chính

a) Thẩm định mức trợ cấp, kinh phí cho các đối tượng diện tinh giản biên chế sau khi có Quyết định phê duyệt danh sách các đối tượng tinh giản biên chế của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện việc chi trả các chế độ, chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế theo quy định.

c) Hướng dẫn, tổ chức việc thực hiện chi trả các chế độ chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế.

d) Tham mưu cho UBND tỉnh tổng hợp, quyết toán kinh phí chi trả cho các đối tượng tinh giản biên chế, báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

1.4. Bảo hiểm xã hội tỉnh:

a) Phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định quá trình đóng bảo hiểm xã hội và chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội của các đối tượng diện tinh giản biên chế đảm bảo theo đúng quy định.

b) Hướng dẫn về nghiệp vụ và chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các huyện, thành phố rà soát, thu bảo hiểm xã hội và giải quyết chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ.

1.5. Các cơ quan, đơn vị

a) Thành lập Hội đồng xét duyệt tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị, số lượng và thành phần của Hội đồng do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định; lập danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán kinh phí giải quyết chế độ cho đối tượng này theo định kỳ 06 tháng một lần theo đúng quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Bảo hiểm xã hội cùng cấp giải quyết chế độ, chính sách cho các đối tượng;

c) Thanh toán chế độ, chính sách cho các đối tượng tinh giản biên chế và thực hiện quyết toán kinh phí chi trả trợ cấp cho các đối tượng tinh giản biên chế thuộc cơ quan, đơn vị. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong cơ quan, đơn vị được giao quản lý theo thẩm quyền. Trường hợp tổng hợp sai đối tượng chính sách tinh giản biên chế thì xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

d) Khi thực hiện tinh giản biên chế không đúng đối tượng theo quy định của pháp luật, người đã hưởng chính sách tinh giản biên chế và cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp người đó có trách nhiệm thực hiện theo Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ.

e) Tổng hợp kết quả, báo cáo việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế của năm thực hiện về Sở Nội vụ trước ngày 30 tháng 12 hàng năm.

Yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và kế hoạch. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh uỷ;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- Lưu: VT; NC, D50b.

CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh

**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG THỰC HIỆN TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ CỦA CÁC CƠ QUAN,
ĐƠN VỊ NĂM 2020**

*(Kèm theo Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2019
của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)*

TT	Đơn vị	Đợt 1			Đợt 2			Số lượng TGBC cả năm
		Số lượng	Công chức	Viên chức	Số lượng	Công chức	Viên chức	
	TỔNG SỐ	220	95	125	141	48	93	361
I	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH	23	2	21	32	8	24	55
1	Sở Công thương				1	1		1
2	Văn phòng UBND tỉnh				1	1		1
3	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1		1	1		1	2
4	Sở Lao động TBXH				2		2	2
5	Sở Y tế	12		12	12		12	24
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	3	1	2	6		6	9
7	Sở Tài chính				1	1		1
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3	1	2	4	3	1	7
9	Sở Tư pháp				1	1		1
10	Ban Dân tộc				1	1		1
11	Ban Quản lý dự án Di dân TĐC thủy điện Sơn La	1		1				1
12	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ	1		1				1
13	Trường Cao đẳng Sơn La	2		2	2		2	4
II	UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ	197	93	104	109	40	69	306
1	Huyện Quỳnh Nhai	7	1	6	11	6	5	18
2	Huyện Thuận Châu	14	3	11	11		11	25
3	Huyện Bắc Yên	9	4	5	7	1	6	16
4	Huyện Phù Yên	25	18	7	16	6	10	41

TT	Đơn vị	Đợt 1			Đợt 2			Số lượng TGBC cả năm
		Số lượng	Công chức	Viên chức	Số lượng	Công chức	Viên chức	
5	Huyện Sốp Cộp	2	1	1	1	1		3
6	Huyện Mường La	9	6	3	4	2	2	13
7	Huyện Mộc Châu	28	6	22	4	2	2	32
8	Huyện Sông Mã	6	1	5	15	6	9	21
9	Huyện Yên Châu	11	7	4	13	4	9	24
10	Huyện Mai Sơn	77	42	35	12	3	9	89
11	Thành phố Sơn La	1	1		4	1	3	5
12	Huyện Vân Hồ	8	3	5	11	8	3	19